TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Kim Thu
2. Lê Thị Thiện

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương* tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1546/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1991; thường trú tại: Xóm Thượng Liên, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, tạm trú: Số nhà 41/1, khu phố Bình Quới B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; thường trú tại: Xóm Thượng Liên, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, tạm trú: Số nhà 41/1, khu phố Bình Quới B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Trần Thị L trình bày*:

Bà L và ông Nguyễn Văn H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, ngày 16/3/2015.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 08/5/2015.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống riêng từ đầu năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà L khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2019, bị đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian vợ chồng sống riêng với nhau. Tuy nhiên ông H không đồng ý ly hôn với bà L vì cho rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông H là nhỏ không đến mức phải ly hôn. Mặt khác, bà L còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn nên nhiều lúc hay giận dỗi, con còn nhỏ và để đảm bảo cho sự phát triển của con, có sự chăm sóc, giáo dục của cả cha và mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà Trần Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, ngày 16/3/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống riêng từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà L và ông H tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà L và ông H mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà L và ông H vì bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà L và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, xét thấy: Từ khi vợ chồng sống riêng, cháu Nguyễn Minh Đ sống cùng với bà L. Bà L chăm sóc con tốt nên cháu Đăng phát triển bình thường, khỏe mạnh và học hành đầy đủ. Bà L là công nhân nên xác định là nghề nghiệp ổn định, có thu nhập nên giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Về cấp dưỡng: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Văn H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 08/5/2015 cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0036394 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí